

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018

UBND TỈNH NAM ĐỊNH

Số:.....
Ngày: 01/01/18

huyện:

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 48/2017/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2017 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; số 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018,

QUYẾT NGHỊ:

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Năm 2017, nhờ sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình hình kinh tế - xã hội nước ta chuyển biến tích cực, toàn diện; đạt và vượt toàn bộ 13/13 chỉ tiêu kế hoạch. Kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm; xuất khẩu, đầu tư trực tiếp nước ngoài, thành lập mới doanh nghiệp tăng mạnh; các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế phục hồi và phát triển tốt, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ, du lịch; khu vực nông nghiệp mặc dù chịu tác động nặng nề của thiên tai, bão lũ nhưng vẫn tăng trưởng khá. Cải cách thủ tục hành chính đạt kết quả rõ nét; xếp hạng môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh được nâng cao. Thực hiện tốt các nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tổ chức thành công Năm APEC 2017. Uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Năm 2018 là năm bản lề thực hiện các Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Bên cạnh những thuận lợi, chúng ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột xảy ra ở nhiều nơi; kinh tế thế giới dự báo phục hồi nhanh hơn nhưng vẫn còn nhiều rủi ro; sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động nhiều mặt đến nước ta. Ở trong nước, chúng ta được kế thừa những thành tựu quan trọng của 30 năm đổi mới và xu hướng phát triển tốt trên các mặt của năm 2017, nhưng những tồn tại, bất cập nội tại của nền kinh tế tiếp tục bộc lộ rõ nét. Cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm; năng suất lao động, năng lực cạnh tranh chưa cao. Dự địa chính sách tài khóa, tiền tệ hạn hẹp trong khi nhu cầu nguồn lực cho đầu tư phát triển, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh rất lớn. Biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ, xâm nhập mặn, thời tiết cực đoan tiếp tục diễn biến phức tạp. Kỷ luật, kỷ cương

hành chính nhiều nơi còn chưa nghiêm, bộ máy còn cồng kềnh, kém hiệu quả, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế; ô nhiễm môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm còn diễn biến phức tạp...

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2018

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đề ra phương châm hành động “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả*” và xác định trọng tâm chỉ đạo điều hành là:

Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thực hiện quyết liệt cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành ở tất cả các ngành, các cấp. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Chú trọng các nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội; thực hành dân chủ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước.

Căn cứ mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương xây dựng hệ thống chỉ tiêu cụ thể phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực công tác được giao; tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững

1.1. Điều hành đồng bộ các chính sách vĩ mô, kết hợp hài hòa giữa chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và thận trọng với chính sách tài khóa chặt chẽ, kỷ luật, kỷ cương và các chính sách khác; phấn đấu tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 6,7%, kiểm soát tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%.

1.2. Tiếp tục điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến lạm phát và thị trường tiền tệ; phấn đấu giảm lãi suất cho vay phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô; ổn định và phát triển thị trường ngoại tệ, tiếp tục tăng dự trữ ngoại hối nhà nước. Mở rộng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, khu vực sản xuất, kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

1.3. Tăng cường kỷ luật tài chính, điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao. Mở rộng cơ sở thuế, tạo chuyển biến rõ nét trong việc quản lý thu, nhất là khu vực kinh tế phi chính thức; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, chống chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường thanh tra, kiểm tra, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý nợ đọng thuế không có khả năng thu hồi, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước; phấn đấu tăng thu ngân sách

3% so với dự toán Quốc hội giao. Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài...; chỉ ban hành mới cơ chế, chính sách chi ngân sách nhà nước khi có nguồn tài chính đảm bảo. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách trung ương đã được giao trong dự toán đầu năm, nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa phân bổ, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước ở mức 3,7% GDP.

1.4. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài sản công, nợ công, tăng cường quản lý các quỹ ngoài ngân sách, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc vay, sử dụng vốn vay, trả nợ. Phân đầu đến cuối năm 2018, dư nợ công khoảng 63,9% GDP, nợ Chính phủ khoảng 52,5% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 47,6% GDP. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý triển khai Luật Quản lý nợ công, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công theo hướng an toàn, bền vững theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị. Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực ngân sách nhà nước gắn với huy động tối đa các nguồn lực ngoài nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện thể chế, pháp luật theo hướng bảo đảm nguyên tắc ngân sách trung ương đóng vai trò chủ đạo, trong đó có cơ chế phân chia nguồn thu và nhiệm vụ chi phù hợp, khắc phục hiệu quả tình trạng tỷ trọng nguồn thu ngân sách trung ương giảm và cân đối ngân sách trung ương khó khăn như hiện nay.

1.5. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công, kiên quyết phòng, chống lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động đầu tư công; chấn chỉnh những bất cập trong các dự án đối tác công tư, nhất là các dự án BOT. Triển khai nhanh, quyết liệt công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công; đẩy nhanh tốc độ thực hiện và giải ngân ngay từ những tháng đầu năm, nhất là các công trình hạ tầng bị thiệt hại do thiên tai, dự án hạ tầng quan trọng. Phân đầu giải ngân 100% dự toán chi đầu tư phát triển được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao. Tăng cường các biện pháp để không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

1.6. Thúc đẩy xuất khẩu, đẩy mạnh mở rộng thị trường gắn với đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động xuất nhập khẩu, nhất là thủ tục kiểm tra chuyên ngành. Bảo đảm cân đối xuất nhập khẩu, phấn đấu đạt tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu từ 8% đến 10% so với năm 2017, kiểm soát nhập siêu dưới 3% so với tổng kim ngạch xuất khẩu. Triển khai các biện pháp phòng vệ thương mại, các hàng rào kỹ thuật phù hợp với các cam kết quốc tế; tăng cường quản lý, kiểm soát nhập khẩu; cải thiện tình trạng thâm hụt thương mại với các thị trường nhập siêu cao. Phát triển mạnh thị trường trong nước; xây dựng hệ thống phân phối đồng bộ và hiệu quả. Tăng cường quản lý doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực phân phối bán lẻ phù hợp với cam kết mở cửa thị trường, đẩy mạnh kết nối giữa nhà phân phối và nông dân tại các vùng sản xuất nông sản. Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng khoảng 10%.

1.7. Triển khai hiệu quả các biện pháp bình ổn giá cả, thị trường; tiếp tục điều chỉnh theo lộ trình giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý. Tạo thuận lợi thương mại kết hợp với tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường, các biện pháp phòng chống và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng.

1.8. Theo dõi sát diễn biến, thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường bất động sản. Nghiên cứu và thực hiện có hiệu quả các công cụ, giải pháp để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, bền vững, không để xảy ra tình trạng đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, bảo đảm tính công khai minh bạch của thị trường.

1.9. Nâng cao chất lượng công tác thống kê và phân tích, dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô; chủ động phương án, giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả đối với diễn biến tình hình trong nước, quốc tế.

1.10. Tập trung cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, thuế, hải quan, nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, lý lịch tư pháp, hộ tịch..., giảm thời gian thực hiện thủ tục và chi phí hoạt động của người dân, doanh nghiệp. Cải thiện căn bản, tạo chuyển biến mạnh mẽ các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó tập trung cải cách toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; cắt giảm, đơn giản hóa 50% điều kiện đầu tư kinh doanh. Thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời xử lý những phản ánh và kiến nghị của doanh nghiệp. Phấn đấu năm 2018 cải thiện đáng kể về thứ hạng của Việt Nam trong bảng xếp hạng của thế giới, đưa Việt Nam vào nhóm ASEAN-4 về năng lực cạnh tranh và môi trường kinh doanh.

1.11. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phát triển mạnh doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; chú trọng thu hút đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ cao và các tập đoàn đa quốc gia gắn với phát triển doanh nghiệp trong nước và công nghiệp hỗ trợ. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng theo cơ chế thị trường.

2. Tập trung thực hiện quyết liệt và đồng bộ 3 đột phá chiến lược

2.1. Đẩy mạnh hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần thượng tôn pháp luật. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết đã có hiệu lực, khắc phục tình trạng nợ đọng văn bản quy phạm pháp luật. Chuẩn bị tốt các dự án Luật trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại các kỳ họp năm 2018, trọng tâm là Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công; sửa đổi các luật liên quan đến đất đai, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành... Tiếp tục sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện pháp luật về đầu tư, nhất là đầu tư công, đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Có cơ chế, chính sách huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển và đầu tư kinh doanh.

2.2. Hoàn thiện thể chế về phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục và đào tạo, để tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Huy động mạnh mẽ doanh nghiệp tham gia vào đào tạo, nhất là trong các lĩnh vực đang thiếu nhân lực như công nghệ thông tin, du lịch, gắn đào tạo với

nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Thực hiện đồng bộ ba nội dung về quy hoạch lại mạng lưới, tự chủ đại học và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2.4. Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường lao động, đặc biệt gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tăng dần quy mô các chương trình đào tạo chất lượng cao, các chuyên ngành khoa học liên quan đến công nghệ, kỹ thuật và những ngành thị trường có nhu cầu tuyển dụng cao; tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển thị trường lao động một cách đầy đủ, mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Rà soát mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đổi mới quản lý, giao quyền tự chủ, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp, tăng cường công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm, và hỗ trợ kiến thức khởi nghiệp cho người dân, đặc biệt là thanh niên.

2.5. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả; tập trung rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch liên quan đến kết cấu hạ tầng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo các quy định pháp luật về quy hoạch. Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tăng tính hấp dẫn để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, lưới điện, thủy lợi, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu... Kiểm soát chặt chẽ tiến trình đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từng bước xây dựng các đô thị đồng bộ về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đô thị thông minh, xanh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về đối tác công tư. Chấn chỉnh những bất cập trong hình thức đầu tư đối tác công tư, khuyến khích rà soát tổng thể hình thức đầu tư BOT, các trạm BOT giao thông đường bộ nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân; lựa chọn nhà đầu tư có năng lực về tài chính và chuyên môn, kỹ thuật. Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng, công trình thiết yếu có quy mô lớn, có sức lan tỏa, kết nối giữa các vùng miền, nhất là hạ tầng tại các khu vực trọng điểm, đô thị lớn, như tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cảng biển, điện và năng lượng, các dự án giảm ùn tắc giao thông; đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông, tuyến Metro Bến Thành - Suối Tiên, tuyến hành lang ven biển phía Bắc và phía Nam; kết nối một số tuyến giao thông trong tổng thể hành lang Đông Tây, hành lang Xuyên Á...

3. Tạo chuyển biến rõ nét và thực chất trong cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế

3.1. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả các Chương trình hành động triển khai các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Sớm phê duyệt và tổ chức thực hiện đồng bộ tất cả các đề án, kế hoạch cơ cấu lại ngành, lĩnh vực trọng tâm. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, giám sát và chỉ đạo thực hiện, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, các ngành, các cấp trong năm 2018.

3.2. Tổ chức thực hiện quyết liệt và khẩn trương Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng. Đẩy mạnh triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu đến năm 2020. Tạo chuyển biến căn bản về quản trị ngân hàng, hiệu quả và an toàn hoạt động. Tập trung xử lý có hiệu quả các tổ chức tín dụng yếu kém và nợ xấu theo nguyên tắc thị trường, không hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và thị trường tiền tệ. Đẩy mạnh phát triển thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm; chú trọng phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp; có giải pháp bảo đảm phát triển thị trường chứng khoán lành mạnh, an toàn, bền vững

3.3. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng thu nội địa; đảm bảo tỷ trọng chi đầu tư phát triển 26%, tỷ trọng chi thường xuyên 64,1% trong tổng chi ngân sách nhà nước; bảo đảm chi an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và quốc phòng, an ninh theo dự toán Quốc hội giao.

3.4. Cơ cấu lại đầu tư công gắn với cơ cấu lại thu chi ngân sách nhà nước và bảo đảm bền vững an toàn nợ công. Tăng cường hiệu quả đầu tư công, bảo đảm cân đối về đầu tư phát triển, phấn đấu đạt tỷ lệ tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33% - 34% GDP; tăng tỷ trọng vốn đầu tư tư nhân trong tổng đầu tư phát triển toàn xã hội lên khoảng 41%; giá trị hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) năm 2018 đạt khoảng 6,0. Xây dựng định hướng thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; triển khai vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI.

3.5. Thành lập Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Tổ chức phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Đẩy mạnh cổ phần hóa gắn với niêm yết trên thị trường chứng khoán và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo các nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và đảm bảo lợi ích cao nhất của Nhà nước. Tạo chuyển biến căn bản trong việc xử lý các doanh nghiệp, dự án thua lỗ. Cơ bản hoàn thành sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm trường theo Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã kiểu mới, thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn và thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường quản lý, hạch toán và thống kê khu vực kinh tế phi chính thức. Phấn đấu thành lập mới 135 nghìn doanh nghiệp trong năm 2018.

3.6. Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập; tăng quyền tự chủ và thúc đẩy xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

3.7. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu, xây dựng chương trình quốc gia về tăng trưởng năng suất lao động; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, khoa học quản lý, chất

lượng đào tạo nghề, cải thiện quản trị nhà nước, quản trị doanh nghiệp, phấn đấu năng suất lao động xã hội tăng trên 6%; cải thiện tích cực tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GDP, năm 2018 đạt trên khoảng 46%; cải thiện các mặt của lĩnh vực xã hội, nâng dần giá trị và vị trí xếp hạng về chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam trên bảng xếp hạng của thế giới.

3.8. Phát triển nông nghiệp đi đôi với phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, các quy trình sản xuất tiên tiến, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch. Tổ chức lại một cách thực chất sản xuất nông nghiệp, khuyến khích phát triển liên kết theo chuỗi giá trị, từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; giảm chi phí trung gian để nâng cao thu nhập cho nông dân; nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam; phát triển kinh tế rừng, kinh tế biển; thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục tình trạng đánh bắt hải sản trái phép, không đăng ký, không khai báo. Đẩy mạnh thực hiện Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Phần đầu năm 2018 có ít nhất 52 huyện và 37% xã đạt chuẩn nông thôn mới; tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt khoảng 3,0%, kim ngạch xuất khẩu đạt 36 - 37 tỷ USD.

3.9. Phát triển mạnh công nghiệp, trọng tâm là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp phục vụ nông nghiệp; công nghiệp hỗ trợ gắn với liên kết chuỗi giá trị của các tập đoàn đa quốc gia. Tập trung đổi mới công nghệ, thân thiện với môi trường trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, khai khoáng... Phần đầu tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt khoảng 7,7%, trong đó công nghiệp khoảng 7,3%, xây dựng khoảng 9,2%.

3.10. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ công nghệ thông tin, truyền thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, logistics, du lịch...; thúc đẩy xuất khẩu các ngành dịch vụ có tiềm năng; minh bạch, hiện đại hóa thị trường vui chơi có thưởng và xổ số. Tăng cường và đổi mới công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; phát triển sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo; xây dựng thương hiệu du lịch Việt Nam và từng vùng, từng địa phương nhằm từng bước phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đạt khoảng 15 triệu lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Phần đầu tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực dịch vụ đạt khoảng 7,4%.

3.11. Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế vùng, thúc đẩy và nâng cao hiệu quả cơ chế, tập trung chỉ đạo điều phối liên kết vùng, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương. Phát huy mạnh mẽ vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm kinh tế lớn, các thành phố lớn; chủ động thúc đẩy liên kết giữa các vùng với các nước trong khu vực trong điều kiện hội nhập.

4. Bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội

4.1. Thực hiện đầy đủ và toàn diện các chính sách bảo đảm an sinh và nâng cao phúc lợi xã hội. Tập trung thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng, giải quyết căn bản hồ sơ tồn đọng, trong đó hoàn thành dứt điểm chương trình hỗ trợ

người có công về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ trong năm 2018. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở giá thấp, tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển nhà ở quốc gia, nhất là các chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo. Tăng cường chỉ đạo, ưu tiên bố trí nguồn lực bảo đảm hạ tầng xã hội, trước hết là nhà trẻ, mẫu giáo, trường học ở các khu công nghiệp tập trung. Tập trung thực hiện các giải pháp giảm nghèo bền vững, phấn đấu đạt mục tiêu tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) giảm 1 - 1,5%, riêng các huyện nghèo giảm 4%. Thực hiện kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo các chính sách, đề án đã được phê duyệt, nhất là các chính sách đặc thù. Phát triển thị trường lao động, tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị xuống dưới 4%; hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thực hiện nghiêm quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

4.2. Chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, đặc biệt là đổi mới hoạt động y tế cơ sở gắn với quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn và chấn chỉnh công tác quản lý, phân phối, bán lẻ dược phẩm. Củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, ngăn chặn kịp thời dịch bệnh. Giảm quá tải bệnh viện tuyến trên, đưa 5 bệnh viện trung ương và tuyến cuối vào hoạt động, phát triển y tế ngoài công lập, phấn đấu đạt tỷ lệ 26 giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã), tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế cao hơn 88,5%. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả đấu thầu thuốc tập trung. Điều chỉnh giá dịch vụ y tế gắn với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; chống lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra hoạt động khám chữa bệnh, bảo đảm an toàn trong cơ sở khám chữa bệnh. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; giảm thiểu ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất kháng sinh trong sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm; xử lý nghiêm các trường hợp làm hàng giả, hàng kém chất lượng ảnh hưởng đến sức khỏe, quyền lợi của người tiêu dùng.

4.3. Rà soát quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo trong cả nước, trọng tâm là sự phạm gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý các cấp, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Tập trung xây dựng chương trình, sách giáo khoa, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên. Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông. Tăng cường xã hội hóa giáo dục, khuyến khích thành lập mới các trường tư thực chất lượng cao. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình của các trường đại học; đổi mới cơ chế quản trị, quản lý các trường phổ thông. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ ở các cấp, trình độ đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý giáo dục. Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong và ngoài nước trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Hoàn thiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

4.4. Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Đổi mới cơ chế hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Tiếp tục xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách để

khuyến khích thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với doanh nghiệp và phát triển theo chuỗi giá trị các sản phẩm trọng điểm của quốc gia. Hoàn thiện hành lang pháp lý hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia; tập trung hỗ trợ phát triển và khai thác tài sản trí tuệ; Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa” nhằm tạo hệ sinh thái và dữ liệu lớn để phổ biến tri thức khoa học và thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo...

4.5. Chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tăng cường năng lực tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại; chủ động nắm bắt, khai thác có hiệu quả các cơ hội to lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại. Tập trung hoàn thiện cơ chế, thể chế, chính sách, pháp luật theo kịp kinh tế số, công nghiệp thông minh. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trong đó, công nghệ thông tin và hạ tầng thông tin đóng vai trò hạ tầng của hạ tầng. Phát triển nhanh nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số; phát triển doanh nghiệp số. Tiếp tục xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp tham gia ứng dụng, nghiên cứu phát triển, chuyển giao các công nghệ chủ chốt. Xây dựng Chương trình trọng điểm cấp quốc gia về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phục vụ các nhà khoa học, doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực của cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, làm cơ sở nhân rộng các kết quả ra khỏi doanh nghiệp.

4.6. Phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, thúc đẩy khởi nghiệp trong mọi ngành, mọi lĩnh vực; hỗ trợ, thu hút đầu tư vào hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ thành lập, phát triển và liên kết hoạt động các không gian làm việc chung, vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tập trung hợp tác theo chiều sâu với các đối tác quốc tế, kết nối cộng đồng khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng trong nước để trao đổi, học tập kinh nghiệm triển khai các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Chú trọng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giải quyết các khó khăn, đặc biệt là trong tiếp cận nguồn vốn.

4.7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lễ hội. Đổi mới, khắc phục bệnh hình thức trong các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, gia đình văn hóa. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Ưu tiên nguồn lực và thực hiện tốt các chính sách phát triển văn học nghệ thuật, đội ngũ văn nghệ sỹ, trí thức. Đẩy mạnh bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc, tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; quảng bá và giới thiệu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài, chú trọng cho cộng đồng người Việt Nam sinh sống, làm việc ở nước ngoài; kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4.8. Triển khai mạnh mẽ Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020. Tạo chuyển biến tích cực, rõ nét trong hoạt động thể dục thể thao quần chúng, giáo dục thể chất trong nhà trường. Đẩy mạnh phát triển thể thao thành tích cao; tích cực chuẩn bị tốt lực lượng vận động viên, huấn luyện viên tham dự các đại hội thể thao quốc tế trong năm 2018, Đại hội thể thao Người khuyết tật châu Á tại Indonesia, Đại hội thể thao Người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 10 (PARA Games 10), Thế vận hội Paralympic tại Nhật Bản và các giải thể thao quốc tế khác.

4.9. Hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020 và Đề án phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện đầy đủ các chế độ và chính sách chăm sóc và bảo vệ người già và trẻ em; thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm bạo lực, xâm hại, đuối nước và tai nạn thương tích cho trẻ em, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bạo hành trẻ em kết hợp với đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam. Triển khai tổng kết, đánh giá để có giải pháp hiệu quả đối với mô hình cai nghiện ma túy cộng đồng; nâng cao chất lượng truyền thông và công tác quản lý người nghiện, cai nghiện ma túy và phòng chống tệ nạn mại dâm.

5. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

5.1. Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, triển khai quyết liệt các giải pháp quản lý chặt chẽ đất đai, khắc phục tình trạng lãng phí tài nguyên đất, đất dễ hoang hóa hoặc sử dụng sai mục đích; chống thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước từ lợi ích chênh lệch giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất do quy hoạch hoặc các dự án hạ tầng đem lại. Khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, tăng cường hợp tác quốc tế trong việc khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn nước xuyên biên giới, nhất là hệ thống sông Mê Công. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phấn đấu đạt chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng khoảng 41,6%; xử lý nghiêm, triệt để tình trạng khai thác và phá rừng bất hợp pháp, khai thác tài nguyên, khoáng sản, cát, đá, sỏi,... trái phép.

5.2. Triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường, nhất là về đất đai, quan trắc tài nguyên và môi trường, cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng và khuyến khích xã hội hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo về tài nguyên và môi trường, kết nối giữa trung ương với địa phương. Tăng cường công tác kiểm soát đặc biệt đối với các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Triển khai hệ thống tiêu chuẩn về môi trường nhằm lựa chọn, sàng lọc loại hình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thu hút đầu tư, không cấp phép cho các dự án không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường. Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường. Ban hành và thực hiện cơ chế đột phá huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường. Xây dựng và hoàn thành phương án triển khai công tác điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải. Phấn đấu đạt mục tiêu 88% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

5.3. Triển khai lồng ghép mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các cam kết quốc tế của Việt Nam vào các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngành và địa phương. Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; rà soát quy hoạch, bố trí lại dân cư tại các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất... Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời cho người dân, thực hiện các giải pháp chuyển đổi cơ cấu sản xuất, mùa vụ, ngành nghề phù hợp, hiệu quả gắn với thị trường tại các vùng tái định cư và vùng bị tác động bởi thiên tai, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn. Nghiên cứu và triển khai ứng dụng các mô hình kiến trúc, vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; vật liệu xây dựng sử dụng cho các công trình ven biển và hải đảo; nhà ở thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, giải quyết hiện tượng sụt lún nền đất, ngập lụt ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng quy hoạch tích hợp, phát triển hệ thống hồ chứa điều tiết thích ứng với biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán và triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo

6.1. Tiếp tục triển khai mạnh mẽ và toàn diện cải cách hành chính. Tập trung xây dựng, triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Trọng tâm là nhanh chóng kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cải cách tiền lương; thu gọn đầu mối bên trong của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổng cục.... Hoàn thiện tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong năm 2018, phấn đấu giảm khoảng 2,5% số đơn vị sự nghiệp công lập.

6.2. Quản lý chặt chẽ số lượng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp. Dừng việc giao bổ sung biên chế. Chấm dứt việc tự phê duyệt và giao biên chế vượt quá số đã được cấp có thẩm quyền giao; có kế hoạch và giải pháp để giải quyết dứt điểm số biên chế vượt quá số biên chế được giao. Các cơ quan, đơn vị chưa sử dụng hết số biên chế được giao phải xem xét, cắt giảm phù hợp. Trong năm 2018, giảm 1,7% biên chế công chức so với số giao năm 2015; giảm tối thiểu 2,5% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với số giao năm 2015.

6.3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong xây dựng pháp luật, thực thi công vụ và hoạt động của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tạo động lực và áp lực, chuyển biến thái độ xử lý gắn với trách nhiệm chính trị trong thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu. Kịp thời thay thế các cán bộ, công chức trì trệ, cản trở, không hoàn thành nhiệm vụ. Xử lý nghiêm và kịp thời theo quy

định của pháp luật các tổ chức và cá nhân có vi phạm trong thực thi công vụ. Đẩy mạnh đổi mới phương thức, lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước; giảm hội họp, giấy tờ hành chính và chế độ báo cáo, tăng cường họp trực tuyến và tin học hóa các hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; khắc phục tình trạng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chồng chéo; xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả; nhân rộng mô hình trung tâm hành chính công hoạt động hiệu quả, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, vi phạm pháp luật, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp.

6.4. Xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý hồ sơ công việc trên mạng máy tính trong các cơ quan hành chính, trước hết là ở các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố. Thực hiện kết nối liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và chính quyền các cấp. Tạo chuyển biến tích cực trong mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân thông qua việc thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và các dịch vụ công trực tuyến; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Xử lý dứt điểm và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính. Tăng cường thực hiện công tác bảo đảm an toàn, có phương án ứng phó, khắc phục kịp thời các sự cố mất an toàn thông tin, an ninh mạng.

6.5. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử; phấn đấu nâng cao chỉ số đánh giá về Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc đối với cả ba nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến (OSI), hạ tầng viễn thông (TII) và nguồn nhân lực (HCI); phối hợp với các cơ quan đánh giá của Liên hợp quốc để kịp thời cung cấp thông tin chính xác, cập nhật về tình hình xây dựng, triển khai Chính phủ điện tử tại các cơ quan nhà nước của Việt Nam.

6.6. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng. Tập trung chỉ đạo điều tra các vụ án tham nhũng lớn để truy tố, xử lý nghiêm minh trước pháp luật theo tinh thần không có vùng cấm, tất cả hành vi vi phạm đều phải được xử lý đúng pháp luật. Mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng; tiếp thu những kinh nghiệm tốt của thế giới để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.

6.7. Đẩy mạnh công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; triển khai thanh tra theo kế hoạch gắn với thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, dư luận có nhiều quan tâm, có nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo như: Đất đai, tài nguyên khoáng sản, các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, đầu tư nước ngoài,...

6.8. Tập trung rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phấn đấu đạt tỷ lệ trên 85%. Xử lý nghiêm những trường hợp kích động, lôi kéo công dân khiếu kiện đông người hoặc lợi dụng khiếu kiện để gây rối.

7. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, cứu hộ, cứu nạn; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

7.1. Giữ vững độc lập, chủ quyền, bảo đảm an ninh chính trị, trọng tâm là tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân; chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo. Đẩy mạnh đối ngoại về quốc phòng, an ninh, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, lợi ích quốc gia và các hoạt động kinh tế biển; tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

7.2. Kiên quyết xử lý nghiêm các vụ án kinh tế, tham nhũng; không hình sự hóa các quan hệ dân sự kinh tế. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tội phạm, kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật các tội phạm nguy hiểm, tội phạm có tổ chức, chống người thi hành công vụ; triển khai tốt lực lượng và cơ sở vật chất sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả các sự cố, rủi ro thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp trong việc triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp hiệu quả bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng, chống cháy nổ; chống ùn tắc giao thông tại các thành phố lớn, nút giao thông quan trọng; giám sát và quản lý tốt vận tải, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ về giao thông thông minh trong quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng, phấn đấu giảm đáng kể tình hình tai nạn giao thông cả về số vụ, số người chết và bị thương so với năm 2017. Địa phương sử dụng số kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương để chi cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn, trong đó bố trí 70% cho lực lượng công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bố trí 30% còn lại cho các lực lượng khác của địa phương tham gia công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn.

7.3. Nâng cao hiệu quả công tác thi hành án dân sự, nhất là liên quan đến thu hồi các khoản nợ của các tổ chức tín dụng; tập trung thi hành dứt điểm các vụ việc có điều kiện thi hành án dân sự, bảo đảm thi hành dứt điểm các bản án, quyết định của tòa án về vụ án hành chính còn tồn đọng.

7.4. Tiếp tục mở rộng và đưa các mối quan hệ với các đối tác, trước hết là các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu, ổn định, hiệu quả. Tổ chức tốt các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao Đảng và Nhà nước. Tập trung tranh thủ sự hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác trong những lĩnh vực Việt Nam quan tâm và các đối tác có thế mạnh về thương mại, đầu tư, công nghệ cao, phát triển bền vững, an ninh biển...

7.5. Nâng cao hiệu quả tham gia, chủ động, tích cực đóng góp vào xây dựng, định hình các tổ chức, diễn đàn đa phương, trọng tâm là chuẩn bị tốt việc đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, vận động các nước ủng hộ Việt Nam ứng cử Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021, đảm nhận tốt thành viên Hội đồng Kinh tế - Xã hội của Liên hợp quốc 2016 - 2018 và Hội đồng Chấp hành UNESCO 2015 - 2019, thực hiện nghiêm túc các cam kết trong APEC,

đặc biệt là các sáng kiến do Việt Nam đề xuất và được thông qua trong Tuần lễ Cấp cao APEC 2017, tổ chức tốt Hội nghị Thượng đỉnh Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) lần thứ 6 và Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN 2018.

7.6. Thực hiện đồng bộ và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực; tích cực chuẩn bị cho việc thực thi hiệu quả các FTA thế hệ mới. Tăng cường nghiên cứu các vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình hoạch định chính sách về hội nhập; tập trung nghiên cứu các vấn đề mới như tác động của việc tham gia các FTA thế hệ mới, xu hướng hợp tác trong các khung khổ hợp tác khu vực và toàn cầu như ASEAN, APEC, ASEM, WTO, tác động của tình hình kinh tế chính trị thế giới tới tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả ngoại giao kinh tế, tập trung phục vụ thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của đất nước, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Ưu tiên tìm kiếm và mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam, thu hút các nguồn vốn, nhất là FDI và ODA hướng vào các lĩnh vực ưu tiên của đất nước. Đẩy mạnh vận động các nước sớm công nhận quy chế kinh tế thị trường. Triển khai hiệu quả các thỏa thuận quốc tế, các hiệp định thương mại tự do đã ký hoặc sắp có hiệu lực, các cam kết trong cộng đồng ASEAN, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác truyền thông về hội nhập, nhất là những nội dung cam kết mới, hiệp định đối tác toàn diện và tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), cơ hội và thách thức, quyền lợi và nghĩa vụ trong các cam kết. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tranh chấp đầu tư quốc tế nhất là trong quản lý nhà nước về đầu tư và giải quyết khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài. Nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế bảo vệ lợi ích quốc gia và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân.

7.7. Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, đồng thời kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc chủ quyền và các lợi ích chính đáng của Việt Nam. Thúc đẩy đạt kết quả thực chất trong giải quyết các vấn đề biên giới trên biển và các vấn đề biên giới đất liền còn tồn đọng với các nước. Đẩy mạnh việc thực hiện nghiêm túc Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), thúc đẩy đàm phán, xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

7.8. Nâng cao hiệu quả công tác người Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020; tăng cường vận động, thu hút nguồn lực và đóng góp của cộng đồng. Thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

8. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông

8.1. Phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 theo kết luận của Bộ Chính trị, trước hết thực hiện ở Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí; đề cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp; thực hiện nghiêm quy chế người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng và Nhà nước và những vấn đề dư luận quan tâm; tình hình kinh tế - xã hội của đất nước để tạo sự đồng thuận xã hội

trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, tạo hứng khởi trong sản xuất, kinh doanh. Đấu tranh, phản bác thông tin sai sự thật, trái với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước và các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng dân chủ, đưa thông tin xấu, độc, sai sự thật.

8.2. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, làm tốt công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước góp phần tạo đồng thuận xã hội.

9. Tăng cường công tác phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quyết tâm thực hiện thành công nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp đề ra

9.1. Đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong việc kiểm tra, theo dõi, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện Nghị quyết.

9.2. Tăng cường phối hợp giữa Chính phủ với Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các đoàn thể chỉ đạo tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, phát huy quyền làm chủ các tổ chức xã hội, hội, hiệp hội và của nhân dân trong mọi lĩnh vực, tạo sự đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 theo Nghị quyết của Quốc hội và các giải pháp điều hành của Chính phủ tại Nghị quyết này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thống nhất quán triệt phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực đã làm được trong năm 2017, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh hơn, hiệu quả hơn, thiết thực hơn và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết này trong năm 2018; trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết và Phụ lục phân công nhiệm vụ chi tiết kèm theo, sau 10 ngày kể từ ngày ban hành Nghị quyết, triển khai xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch hành động, chỉ thị cụ thể; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, đơn vị chủ trì, đưa vào chương trình công tác của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2018.

1.2. Tập trung và chủ động chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết, các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực, địa bàn và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch hành động đã đề ra; tổ chức giao ban hàng tháng kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

1.4. Đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết hàng quý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ của quý.

1.5. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ năm 2019, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 11 năm 2018 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2018.

2. Các bộ, ngành tổng hợp, phụ trách theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô; kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan đơn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết này tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí và các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này trong các ngành, các cấp và nhân dân./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ CôngTTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTT (2b).KN 204



Nguyễn Xuân Phúc